

Phụ lục 1: DANH SÁCH CÁC HỘ NGHÈO NHẬN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ II NĂM 2025

(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Thiện Tín

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (thôn)	Số người /hộ	Mức hỗ trợ (62.500 đ/tháng/hộ)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng/hộ/quý)
1	Trương Ái Đông	Vạn Xuân 1	6	62.500	3	187.500
2	Lữ Thị Bồn	Vạn Xuân 1	2	62.500	3	187.500
3	Nguyễn Thị Cẩm Sơn	Vạn Xuân 1	3	62.500	3	187.500
4	Nguyễn Thị Tổ Nga	Vạn Xuân 1	5	62.500	3	187.500
5	Đào Thị Luật	Vạn Xuân 1	1	62.500	3	187.500
6	Lê Văn Trường	Vạn Xuân 1	2	62.500	3	187.500
7	Ngô Đình Khôi	Vạn Xuân 1	3	62.500	3	187.500
8	Nguyễn Thị Huệ	Vạn Xuân 2	3	62.500	3	187.500
9	Hà Thị Trúc	Vạn Xuân 2	1	62.500	3	187.500
10	Phan Phiến	Vạn Xuân 2	2	62.500	3	187.500
11	Nguyễn Quán	Vạn Xuân 2	2	62.500	3	187.500
12	Bùi Đình Biên	Vạn Xuân 2	1	62.500	3	187.500
13	Nguyễn Vui	Vạn Xuân 2	3	62.500	3	187.500
14	Nguyễn Thanh Tuấn	Vạn Xuân 2	3	62.500	3	187.500
15	Võ Thị Nhụy	Vạn Xuân 2	6	62.500	3	187.500
16	Trần Thị Chương	Bàn Thới	1	62.500	3	187.500
17	Trần Thị Lương	Bàn Thới	1	62.500	3	187.500
18	Mai Văn Luyện	Bàn Thới	3	62.500	3	187.500
19	Võ Trường Duy	Bàn Thới	3	62.500	3	187.500
20	Nguyễn Thị Kim Thi	Bàn Thới	5	62.500	3	187.500
21	Hà Văn Thanh	Bàn Thới	2	62.500	3	187.500
22	Lê Văn Việt	Bàn Thới	1	62.500	3	187.500
23	Võ Thị Ân	Ngọc Sơn	1	62.500	3	187.500
24	Trần Kính	Ngọc Sơn	1	62.500	3	187.500
25	Nguyễn Văn Vệ	Ngọc Sơn	1	62.500	3	187.500
26	Lê Văn Dương	Ngọc Sơn	2	62.500	3	187.500
27	Võ Văn Kế	Ngọc Sơn	6	62.500	3	187.500
28	Nguyễn Thị Thìn	Ngọc Sơn	1	62.500	3	187.500
29	Võ Văn Trị	Ngọc Sơn	4	62.500	3	187.500
30	Trần Văn Vàng	Ngọc Sơn	2	62.500	3	187.500

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (thôn)	Số người /hộ	Mức hỗ trợ (62.500 đ/tháng/hộ)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng/hộ/quý)
31	Lê Thị Tầm	Ngọc Sơn	4	62.500	3	187.500
32	Võ Thị Ánh Ngọc	Phú Lâm Tây	4	62.500	3	187.500
33	Trương Ngọc Anh	Phú Lâm Tây	3	62.500	3	187.500
34	Phan Thị Bảy	Phú Lâm Tây	1	62.500	3	187.500
35	Cao Cẩm	Phú Lâm Tây	1	62.500	3	187.500
36	Lê Thị Phụng	Phú Lâm Tây	1	62.500	3	187.500
37	Nguyễn Thị Bảo Thoa	Phú Lâm Tây	4	62.500	3	187.500
38	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Phú Lâm Tây	2	62.500	3	187.500
39	Lê Viết Pha	Phú Lâm Tây	4	62.500	3	187.500
40	Trịnh Thị Hoa	Phú Lâm Đông	1	62.500	3	187.500
41	Nguyễn Thị Lập	Phú Lâm Đông	1	62.500	3	187.500
42	Lê Thị Thuận	Phú Lâm Đông	1	62.500	3	187.500
43	Hồ Mùi	Phú Lâm Đông	3	62.500	3	187.500
44	Lương Văn (Võ Thị Đo)	Phú Lâm Đông	5	62.500	3	187.500
45	Lê Văn Tùng	Phú Lâm Đông	3	62.500	3	187.500
46	Lê Thị Quýt	Tân Hòa	2	62.500	3	187.500
47	Nguyễn Phú	Tân Hòa	1	62.500	3	187.500
48	Lê Thị Cẩm	Tân Hòa	2	62.500	3	187.500
49	Phạm Trông	Tân Hòa	1	62.500	3	187.500
50	Tổng Phước Chúc	Tân Hòa	1	62.500	3	187.500
51	Nguyễn Thị Xuân	Tân Phú	2	62.500	3	187.500
52	Võ Hoa	Tân Phú	1	62.500	3	187.500
53	Bùi Thị Tài	Tân Phú	2	62.500	3	187.500
54	Trương Thị Xuân	Tân Phú	2	62.500	3	187.500
55	Trần Bung	Tân Phú	1	62.500	3	187.500
56	Phạm Thị Tuyết	Tân Phú	1	62.500	3	187.500
57	Nguyễn Lâu	Tân Phú	1	62.500	3	187.500
58	Đào Hữu Sĩ	Long Bình	1	62.500	3	187.500
59	Nguyễn Thị Hoa	Long Bình	3	62.500	3	187.500
60	Võ Thị A	Long Bình	3	62.500	3	187.500
61	Đào Thị Nhuận	Long Bình	1	62.500	3	187.500
62	Nguyễn Văn Hà	Long Bình	4	62.500	3	187.500
63	Đào Thanh Liêm	Long Bình	3	62.500	3	187.500
64	Lê Thị Sen	Đồng Miếu	1	62.500	3	187.500

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (thôn)	Số người /hộ	Mức hỗ trợ (62.500 đ/tháng/hộ)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng/hộ/quý)
65	Nguyễn Thị Trảy	Phú Thọ	2	62.500	3	187.500
66	Lê Thị Miên	Phú Thọ	1	62.500	3	187.500
67	Nguyễn Thị Chín	Phú Thọ	1	62.500	3	187.500
68	Quách Thị Dương	Phú Thọ	1	62.500	3	187.500
69	Vương Thị Sáu	Phú Thọ	6	62.500	3	187.500
70	Đỗ Phán (Phén)	Phú Thọ	3	62.500	3	187.500
71	Nguyễn Liễm	Phú Thọ	2	62.500	3	187.500
72	Nguyễn Rân	Phú Thọ	4	62.500	3	187.500
73	Nguyễn Thị Nuôi	Phú Khương	1	62.500	3	187.500
74	Huỳnh Thị Bòn	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
75	Trương Văn Giáo	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
76	Trương Tiên	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
77	Trương Thị Hà Tiên	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
78	Trịnh Thị Tu	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
79	Lê Thị Huệ	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
80	Nguyễn Thị Lập	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
81	Ngô Thị Tánh	Phú Khương	1	62.500	3	187.500
82	Nguyễn Thị Ba	Phú Khương	1	62.500	3	187.500
83	Đoàn Biết	Phú Khương	1	62.500	3	187.500
84	Nguyễn Thị Khương	Phú Khương	1	62.500	3	187.500
85	Lê Thị Tao	Phú Khương	2	62.500	3	187.500
86	Phạm Văn Trường	Trưng Kè 1	4	62.500	3	187.500
87	Phạm Thị Nái	Trưng Kè 1	1	62.500	3	187.500
88	Phạm Voi	Trưng Kè 1	2	62.500	3	187.500
89	Phạm Long	Trưng Kè 1	3	62.500	3	187.500
90	Phạm Thị Trưa	Trưng Kè 1	1	62.500	3	187.500
91	Phạm En	Trưng Kè 1	2	62.500	3	187.500
92	Phạm Thị Thu	Trưng Kè 1	4	62.500	3	187.500
93	Phạm Học	Trưng Kè 1	2	62.500	3	187.500
94	Phạm Tâm	Trưng Kè 1	5	62.500	3	187.500
95	Phạm Lạc	Trưng Kè 1	5	62.500	3	187.500
96	Phạm Trung	Trưng Kè 1	5	62.500	3	187.500
97	Phạm Văn Thoại	Trưng Kè 1	1	62.500	3	187.500
98	Phạm Thị Thu	Trưng Kè 1	3	62.500	3	187.500
99	Phạm Lòi	Trưng Kè 1	3	62.500	3	187.500
100	Phạm Thị Chút	Trưng Kè 2	5	62.500	3	187.500
101	Phạm Thị Goạ	Trưng Kè 2	5	62.500	3	187.500
102	Phạm Hiên	Trưng Kè 2	6	62.500	3	187.500
103	Phạm Thị Bĩa	Trưng Kè 2	4	62.500	3	187.500

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (thôn)	Số người /hộ	Mức hỗ trợ (62.500 đ/tháng/hộ)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng/hộ/quý)
104	Phạm Bay	Trũng Kè 2	3	62.500	3	187.500
105	Phạm Thị Trúc	Trũng Kè 2	5	62.500	3	187.500
106	Phạm Thị Tiết	Trũng Kè 2	4	62.500	3	187.500
107	Trương Thị Thị	Xuân Hoà	1	62.500	3	187.500
108	Trần Thị Khuyên	Xuân Hoà	1	62.500	3	187.500
109	Võ Thị Út	Xuân Hoà	1	62.500	3	187.500
110	Dương Văn Bình	Xuân Hoà	3	62.500	3	187.500
111	Nguyễn Bồi	Xuân Hoà	5	62.500	3	187.500
112	Nguyễn Văn Dương	Đồng Giữa	2	62.500	3	187.500
113	Nguyễn Luận	Đồng Giữa	1	62.500	3	187.500
114	Lê Nà	Nhon Lộc 2	2	62.500	3	187.500
115	Ngô Thị Trà	Nhon Lộc 2	2	62.500	3	187.500
116	Nguyễn Thị Hồng	Nhon Lộc 1	2	62.500	3	187.500
117	Lê Thị Tiến	Nhon Lộc 1	3	62.500	3	187.500
118	Nguyễn Rớt	Nhon Lộc 1	1	62.500	3	187.500
119	Nguyễn Ngọc Khiêm	Nhon Lộc 1	4	62.500	3	187.500
120	Nguyễn Thị Bé	Khánh Giang	2	62.500	3	187.500
121	Nguyễn Thị Đài Trai	Khánh Giang	3	62.500	3	187.500
122	Nguyễn Thị Nhân	Khánh Giang	3	62.500	3	187.500
123	Lê Văn Hóa	Khánh Giang	2	62.500	3	187.500
124	Nghiêm Thị Dung	Khánh Giang	1	62.500	3	187.500
125	Nghiêm Huy Thật	Khánh Giang	1	62.500	3	187.500
126	Trần Thị Hậu	Khánh Giang	4	62.500	3	187.500
127	Lương Thị Dung	Khánh Giang	3	62.500	3	187.500
128	Ngô Thị Tài	Khánh Giang	2	62.500	3	187.500
129	Phạm Thị Thanh	Khánh Giang	5	62.500	3	187.500
130	Phạm Văn Việt	Khánh Giang	4	62.500	3	187.500
131	Phạm Văn Lại	Trường Lệ	7	62.500	3	187.500
132	Phạm Văn Hiền	Trường Lệ	4	62.500	3	187.500
133	Phạm Thị Chín	Trường Lệ	1	62.500	3	187.500
134	Phạm Thị Lem	Trường Lệ	1	62.500	3	187.500
135	Phạm Thị Ty	Trường Lệ	3	62.500	3	187.500
136	Phạm Văn Ít	Trường Lệ	4	62.500	3	187.500
137	Phạm Văn Diệu	Trường Lệ	5	62.500	3	187.500
138	Phạm Thị Hồng	Trường Lệ	6	62.500	3	187.500
139	Đinh Văn Nhân	Trường Lệ	7	62.500	3	187.500
140	Phạm Tràu	Trường Lệ	2	62.500	3	187.500
141	Huỳnh Thị Tành	Trường Lệ	2	62.500	3	187.500
142	Bùi Thị Yếm	Trường Lệ	2	62.500	3	187.500
143	Nguyễn Thị Chêch	Trường Lệ	2	62.500	3	187.500

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (thôn)	Số người /hộ	Mức hỗ trợ (62.500 đ/tháng/hộ)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng/hộ/quý)
	TỔNG CỘNG		366			26.812.500